

Số: 03/ĐA-UBND

Thạch châu, ngày 21 tháng 6 năm 2023

ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thạch Châu là xã vùng biên cửa huyện Lộc Hà, cách trung tâm huyện Lộc Hà 3km về phía Tây Nam và cách thành phố Hà Tĩnh 12 km về phía Đông Bắc; có Quốc lộ 281 chạy qua. Cơ cấu kinh tế và hạ tầng kỹ thuật đã có những cải thiện đáng kể, đường giao thông được nhựa hoá, bê tông hoá; trường học đạt chuẩn Quốc gia... Xã Thạch Châu đã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao vào năm 2021.

Trong phát triển kinh tế bước đầu đã hình thành vùng sản xuất tập trung có liên kết trong bao tiêu sản phẩm. Việc ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thời vụ đã mang lại năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất ngày càng cao, đảm bảo chất lượng cũng như an toàn thực phẩm. Nhiều mô hình kinh tế được xây dựng góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Các khu vực kinh doanh thương mại dịch vụ, công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp đang ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn quy mô sản xuất. Từ đó đã góp phần tăng hiệu quả kinh tế và thu nhập cho cư dân nông thôn.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì ngành nông nghiệp xã cũng đang gặp một số khó khăn hạn chế như diện tích các hộ sản xuất manh mún, nhiều thửa ruộng nhỏ, nhiều hộ sản xuất trên một cánh đồng gây khó khăn cho việc áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất. Bước đầu đã có liên kết sản xuất nhưng chưa bền vững, chưa có sự ràng buộc giữa người sản xuất và người tiêu thụ, một số mô hình được thành lập nhưng hoạt động chưa đạt hiệu quả cao, tình trạng bỏ hoang diện tích tuy không nhiều nhưng có chiều hướng gia tăng. Trong chăn nuôi chủ yếu là nhỏ lẻ, khó khăn trong công tác quản lý dịch bệnh cũng như gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư. Trong những năm qua, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh thường xuyên xảy ra gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư sản xuất, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Với bản chất cần cù, chịu khó của người dân, sự quyết tâm lãnh đạo của Đảng và nhà nước các cấp, xã nhà đã khắc phục mọi khó khăn vươn lên phát triển kinh tế, cuối năm 2022 thu nhập bình quân đầu người đạt 52,56 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2022 hộ nghèo còn 22 hộ đạt 1,08%.

Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Thạch Châu đã được UBND huyện Lộc Hà phê duyệt. Để xã tiếp tục phát triển sản xuất nâng cao thu nhập gắn với mục tiêu xây dựng Nông thôn mới phát triển bền vững, phát huy hết thế mạnh tiềm năng, lợi thế của địa phương, đảm bảo

đem lại điều kiện sống tốt hơn cho người dân, góp phần duy trì nâng cao mức độ đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao, tiếp tục xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu. UBND xã Thạch Châu xây dựng Đề án phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”;

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”

- Quyết định 3004/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo.

- Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Kế hoạch số 131/KH-UBND, ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chiến lược Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045

trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Lộc Hà lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

- Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 21/9/2022 của HĐND huyện về thông qua Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 và quy định một số chính sách kèm theo;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Lộc Hà lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

- Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 30/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về việc tăng cường lãnh đạo xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới, Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh;

- Căn cứ Quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi huyện Lộc Hà giai đoạn 2015 - 2020, định hướng 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 30/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về việc tăng cường lãnh đạo xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới, Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh;

- Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND huyện Lộc Hà về phê duyệt đồ án và ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thạch Châu, giai đoạn 2021- 2030 (tỉ lệ 1/5000);

- Thực trạng kinh tế - xã hội và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Thạch Châu giai đoạn 2020 -2025;

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng triển khai Đề án

a) Đối tượng thụ hưởng: Là người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

b) Đối tượng thực hiện: Hệ thống chính trị xã, trong đó, chủ thể thực hiện chính là người dân trên địa bàn xã.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN XÃ THẠCH CHÂU GIAI ĐOẠN 2020-2022

I. KHÁI QUÁT CHUNG TÌNH HÌNH

1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý: Xã Thạch Châu nằm phía Tây Nam của huyện Lộc Hà.

+ Phía Bắc giáp: Xã Thạch Mỹ và Thị trấn Lộc Hà.

+ Phía Nam giáp: Xã Mai Phụ.

+ Phía Đông giáp: Thị trấn Lộc Hà, Sông Cửa Sốt và xã Thạch Bàn.

+ Phía Tây giáp: Xã Thạch Mỹ.

- Về địa hình: Thạch Châu thuộc vùng đồng bằng Bắc Trung Bộ, nằm ở trung tâm huyện Lộc Hà, nhìn chung địa hình ở đây tương đối bằng phẳng. Phía Đông được bao bọc bởi sông Cửa Sốt, không bị chia cắt bởi khe suối nên thuận tiện cho việc bố trí các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi cũng như việc bố trí cây trồng vật nuôi.

- Diện tích tự nhiên: Tổng diện tích tự nhiên của xã 744,34 ha, trong đó đất nông nghiệp 505,07 ha chiếm 67,86 %; đất phi nông nghiệp 237,16 ha chiếm 31,86%, đất chưa sử dụng 2,12 ha, chiếm 2,12%. Đất đai trên địa bàn xã có thành phần cơ cấu chủ yếu là cát chua. Toàn xã có các loại đất chính sau:

- Đất cát biển chua lầy sâu: Loại đất này chiếm phần lớn diện tích toàn xã;

- Đất cát biển chua điển hình: Phân bố ở vùng ven sông Cửa Sốt.

- Đất mùn trung bình glây nông: Tập trung ở vùng cao tại Đồng Nương Nhãn và các xứ đồng lân cận.

- Đất glây sâu: Diện tích 11 ha, phân bố ở vùng trũng giáp ranh với xã Thạch Mỹ và Mai Phụ.

Biểu thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích các loại đất đến năm 2023

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(15)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		744,34
1	Đất nông nghiệp	NNP	505,07
1,1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	400,00
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	308,88
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	304,41
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,47
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	91,13
1,2	Đất lâm nghiệp	LNP	18,37
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	18,37
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	

1,3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	64,36
1,4	Đất làm muối	LMU	22,23
1,5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,11
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	237,16
2,1	Đất ở	OCT	62,97
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	62,97
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	
2,2	Đất chuyên dùng	CDG	105,38
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,77
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	14,03
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,09
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	88,49
2,3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2,4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,86
2,5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	10,11
2,6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	53,15
2,7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,69
2,8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2,12
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	2,12
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	
3,3	Núi đá không có rừng cây	NCS	
II	Đất có mặt nước ven biển	MVB	
1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	MVT	
2	Đất mặt nước ven biển có rừng ngập mặn	MVR	
3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	MVK	

2. Điều kiện kinh tế, xã hội:

2.1. Tổng giá trị sản phẩm hàng hóa dịch vụ của xã 372,713 tỷ đồng:

Cơ cấu kinh tế trong những năm qua ở Thạch Châu tương đối ổn định. Công nghiệp, xây dựng tăng nhưng với tốc độ chậm. Giá trị kinh tế ngành nông nghiệp không cao nhưng vẫn là ngành kinh tế chính hiện nay trên địa bàn xã. Thương mại dịch vụ giá trị còn thấp. Các ngành kinh tế khác chiếm giá trị chủ yếu trong cơ cấu kinh tế của xã Thạch Châu. Tổng giá trị kinh tế năm 2022 đạt:

372,713 tỷ đồng, đạt 100,2%KH. Trong đó: Nông nghiệp, thủy sản đạt: 50,674 tỷ đồng, chiếm 14,13%; TTCN-XD đạt 96,78 tỷ đồng, chiếm 26%; Thương mại dịch vụ, LĐVL đạt 192,425 tỷ đồng, chiếm 51,6%;

2.2. Dân số, tôn giáo:

- Xã Thạch Châu có 1.859 hộ, dân số 7.388 người.
- Mật độ dân số: 998 người/ km².
- Số hộ theo đạo thiên chúa có 22 hộ, 106 khẩu; trên địa bàn có chùa Gia Mỹ đóng trên địa bàn.

2.3. Lao động:

- Tổng số lao động trong độ tuổi là 5.076 người, trong đó: Lao động phi nông nghiệp 3.186 người, chiếm tỷ lệ 71,88% tổng số lao động; lao động nông nghiệp 1.890 người, chiếm tỷ lệ 28,12%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 81,3%; lao động có việc làm đạt 99,8%, lao động có việc làm qua đào tạo đạt 76%; Số lao động đi xuất khẩu là 578 người; Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 95,5%, Bảo hiểm xã hội đạt 21,5%;

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 1,08%, hộ cận nghèo 2,9%, hộ có mức sống trung bình 72,58%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022: Đạt 52,56 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới giai đoạn 2021 - 2025): Đạt 1,08%.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn

Hàng năm Đảng ủy, HĐND đã ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng – An ninh; UBND xã xây dựng các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa các Nghị quyết, triển khai, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực, từng bộ phận, từng công chức chuyên môn thực hiện nghiêm túc tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương, đồng thời tham mưu cho Đảng ủy, HĐND ban hành các cơ chế, chính sách để Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân về các chủ trương của các cấp, tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, đồng thời tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội (từ năm 2020 - 2023 xã đã ban hành 89 văn bản chỉ đạo; 04 Nghị quyết của BCH Đảng bộ (trong đó: 01 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, 01 Nghị quyết chuyên đề), 05 Nghị quyết của HĐND xã).

2. Kết quả thực hiện các chương trình MTQG, dự án:

2.1. Phát triển kinh tế - tổ chức sản xuất: Trong 02 năm qua địa phương đã tập trung chỉ đạo thực hiện đề án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp... theo chiều sâu gắn với việc xây dựng sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Trên địa bàn có 29 mô hình phát triển sản xuất, trong đó 03 mô hình quy mô lớn, 8 mô hình quy mô vừa và 18 mô hình quy mô nhỏ, điển hình là mô hình nuôi ngao bển tre và nuôi tôm công nghệ cao của HTX nuôi trồng xuất nhập khẩu thủy sản Loan Hoan. Đã xây dựng được cánh đồng mẫu sản xuất lạc và 3 mô hình sản xuất trong nhà màng gồm HTX Hiền Tiến, tổ hợp tác Trang Hùng, Tổ hợp tác Hoàng Việt. Tập trung phát triển các gia trại chăn nuôi hộ gia đình kết hợp với xây dựng hệ thống xử lý chất thải; khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ các tập thể, cá nhân đưa cơ giới vào sản xuất, đến nay toàn xã có 09 máy làm đất, 35 máy xay xát, 03 máy gặt đập liên hoàn.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được chú trọng, đã đào tạo cho 60 lao động tại xã Thạch Châu với các ngành nghề như: Chăn nuôi gà an toàn sinh học, sửa chữa máy nông nghiệp - điện dân dụng, thợ nề. Phối hợp với các phòng, ban, ngành mở các lớp tập huấn trên lĩnh vực phát triển sản xuất, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản với số lượng trên 430 lượt người tham gia.

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản theo giá thực tế đạt 31.970.000 triệu đồng. Giá trị sản phẩm thu hoạch đạt 130 triệu đồng/ha đất trồng trọt. Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2020-2022 đạt 11,06%/năm.

1.1. Trồng trọt:

- Giá trị sản xuất trồng trọt:

Tổng diện tích đất canh tác: 315,5 ha, trong đó: Lúa 100ha, năng suất bình quân 5 tấn/ha, sản lượng 500tấn, Lạc 196ha, bình quân đạt 3,2 tấn/ha, sản lượng 627,2 tấn, diện tích khoai 15 ha, năng suất bình quân 14 tấn/ha, sản lượng 210 tấn; rau, dưa, bí các loại 4,5ha trong đó diện tích bí xanh 0,3 ha, sản lượng 8 tấn, mô hình dưa lưới 0,3ha sản lượng ước tính 3 tấn cho thu nhập 360 triệu đồng, diện tích còn lại 3,9 ha rau dưa các loại năng suất 15 tấn/1ha sản lượng 58,5 tấn ước tính thu nhập 150 triệu đồng/1ha.

- Về tích tụ, tập trung ruộng đất: Toàn xã có 1.276 hộ được giao đất sản xuất nông nghiệp. Tổng số thửa đất hiện nay là 5.459 thửa, trong đó giao cho các hộ dân quản lý, sản xuất là 5.357 thửa, còn lại 102 thửa đất 5% do xã quản lý. Bình quân mỗi thửa có diện tích 550 m², thửa nhỏ nhất có diện tích 200m² và thửa lớn nhất có diện tích là 1.000m². Hộ có nhiều nhất là 08 thửa và hộ có ít nhất là 01 thửa, bình quân 1 hộ 4,1 thửa .

- Về ứng dụng cơ giới hóa: Đã đưa ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất với các loại máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nâng cao năng suất cây trồng và giảm ngày công lao động cho nông dân. Hiện nay trên địa bàn xã có 9 máy làm đất, 3 máy gặt đập liên hoàn từ đó đã đưa tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất đạt 95%;

- Trồng trọt theo quy trình VietGAP, hướng hữu cơ,..., du nhập các giống cây trồng: Hiện nay trên địa bàn đã có 7 vùng sản xuất cây hàng hóa tập trung,

trong đó có 4 vùng sản xuất theo hướng VietGAP; hữu cơ với diện tích 3 ha; đã du nhập các giống cây trồng có năng suất chất lượng cao vào sản xuất như: Dưa lưới, ớt chuông, cà chua, dưa leo.

- Cấp mã số vùng trồng tại các vùng nguyên liệu tập trung: Hiện nay địa phương đã được xác nhận cấp mã số vùng trồng tại vùng sản xuất nguyên liệu tập trung của xã là cây lạc ở vùng đồng Cộ thôn Hồng Lạc, vùng đồng Om thôn Minh Quý với diện tích 22 ha.

- Về xây dựng các chuỗi liên kết, về thị trường tiêu thụ: Việc xây dựng các chuỗi liên kết, thị trường tiêu thụ trong những năm qua cũng đã được quan tâm. Đã xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chính của địa phương là cây lạc, hàng năm đã tiêu thụ cho người dân từ 200 – 250 tấn lạc thương phẩm. Ngoài ra các cùng quy hoạch sản xuất tập trung cây hàng hóa đều đã xây dựng các chuỗi liên kết, thị trường hàng năm tiêu thụ từ 8 – 10 tấn sản phẩm dưa lưới.

1.2. Chăn nuôi:

Trong những năm qua, tình hình chăn nuôi gặp rất nhiều khó khăn, nhất là giá thức ăn gia súc tăng đột biến, giá thịt hơi của các loại gia súc, gia cầm giảm sâu đã làm ảnh hưởng nặng nề đến kết quả chăn nuôi trên địa bàn, gia súc đã đến kỳ xuất chuồng nhưng không tiêu thụ được. Tuy nhiên, với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, cùng với các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, ngành chăn nuôi từng bước ổn định; các loại dịch bệnh trên đàn gia súc cơ bản đã được kiểm soát.

- Giá trị sản xuất chăn nuôi: Cơ cấu giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị nông nghiệp 21,9 tỷ đồng, đạt 4,13%, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2020 – 2022 đạt 1,2%/năm. Tổng đàn trâu, bò tại thời điểm 700 con, tỷ lệ bò lai 64%, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 840 tấn. Tổng đàn lợn 370con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 350 tấn. Tổng đàn gia cầm 25.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 50 tấn. Quy mô chủ yếu nuôi trong hộ gia đình với hộ nhiều nhất 100 con.

- Hiện nay trên địa bàn có 714 hộ/803 hộ thực hiện các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 88,9%. Đã có 120 hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học hoặc làm bể biogas hoặc dùng vi sinh để ủ phân trong xử lý chất thải chăn nuôi đạt 15%.

- Trong những năm qua, UBND xã đã tập trung tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân xây dựng các mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, gắn với đảm bảo vệ sinh môi trường, xây dựng nông thôn mới, nhất là các cơ sở chăn nuôi trong khu dân cư; duy trì công tác kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh, tỷ lệ tiêm phòng hàng năm đạt trên 85% so với chỉ tiêu huyện giao. Trên địa bàn có 03 cơ sở giết mổ tập trung đã phục vụ giết mổ cho...hộ tể lô của các xã Thạch Châu, Thạch Mỹ, Mai Phụ, Hộ Độ và Thị trấn Lộc Hà góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và kiểm soát được dịch bệnh trên địa bàn huyện.

- Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: hiện tại chưa có liên kết tiêu thụ sản phẩm trong chăn nuôi.

1.3. Nuôi trồng, khai thác thủy sản

- Giá trị sản xuất của ngành thủy sản ước 12 tỷ đồng, đạt 1,5 %. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2020 - 2022 đạt 2%.

- Về nuôi trồng: Thạch Châu là xã giáp sông Cửa Sốt và là địa bàn phụ cận ven biển, phía đông có núi Nam giới chắn ngừ nên có lợi thế cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng các loại nước mặn - lợ. Hiện tại diện tích nuôi trồng thủy sản là 82,4 ha với 28 hộ và 45 lao động tham gia; trong đó diện tích nuôi ngao: 67,16 ha, năng suất sản lượng ước đạt 2.5 tấn/1ha, sản lượng 167 tấn ước tính doanh thu đạt 2,6 tỷ đồng, diện tích còn lại nuôi tôm thẻ chân trắng. Hình thức nuôi trồng hiện nay là thâm canh, bán thâm canh. Sản lượng 40 tấn ước doanh thu 4.4 tỷ đồng. Việc kết nối thị trường đã được các hộ nuôi trồng phát huy bằng hình thức liên kết sản xuất từ khâu đầu vào và đầu ra tiêu thụ sản phẩm.

- Về khai thác thủy sản: Xã không có khai thác thủy sản mà chỉ có một số hộ gia đình tham gia khai thác nhỏ trên sông, chủ yếu là hào, hến.

1.4. Lâm nghiệp:

- Trên địa bàn chỉ có 18,43ha diện tích rừng phòng hộ ngập mặn đã được giao khoán tận công đồng dân cư và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cây trồng chủ yếu là đước.

1.5. Diêm nghiệp:

Diện tích sản xuất muối là 14ha; số lao động sản xuất là 250 người, sản lượng 2.400 tấn/năm; Giá trị kinh tế đạt 4,8 tỷ đồng/năm. Bà con diêm dân đang áp dụng bằng biện pháp chát lọc thủ công, chưa ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong các khâu sản xuất, sơ chế, tinh chế. Việc tiêu thụ đang ở dạng thô, thông qua tư thương, buôn bán lẻ, chưa liên kết được sản phẩm để đưa ra thị trường.

1.6. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm

Trên địa bàn có 07 ki ốt kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp, có 04 cửa hàng tạp hóa kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, có 48 cửa hàng kinh doanh ăn uống. Đã ký cam kết cho 117/117 cơ sở (chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tạp hoá nhỏ lẻ,... thuộc diện UBND xã quản lý và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 38 cơ sở (06 cơ sở thuộc lĩnh vực nông nghiệp gồm giò chả 3 cơ sở, NTTS 1 cơ sở, cơ sở giết mổ 01 cơ sở, Dưa lới 01 cơ sở, 04 cơ sở kinh doanh tạp hoá và 28 cơ sở kinh doanh ăn uống, cà phê, trà sữa...). Hàng năm UBND đã thành lập các đoàn liên ngành tổ chức kiểm tra kiểm tra, kiểm soát các cơ sở kinh doanh để thường xuyên nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; nên trong thời gian qua chưa có các trường hợp nào vi phạm chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm phải xử lý.

2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

- Giá trị, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 – 2022 đạt 192,78 tỷ đồng, đạt 2,05%/ năm, chiếm tỷ trọng 77,6%.

- Toàn xã có 6 xưởng cưa, 24 tổ hợp làm mộc dân dụng, 26 cơ sở cơ khí, 48 tổ hợp thợ nề, 26 xe ô tô vận tải, tắc xi các loại, 9 máy làm đất, 32 máy xay xát, 2 máy gặt liên hoàn; 9 siêu thị, điện máy tổng hợp, 04 cửa hàng tôn thép, 01 cửa hàng xăng dầu, 02 nhà nghỉ, khách sạn, có 832 hộ gia đình kinh doanh, dịch vụ, 12 hợp tác xã, trong đó (thành lập mới 1 hợp tác xã; 01 tạm ngừng hoạt động chuyển sang Hộ SXKD cá thể), 3 tổ hợp tác, 56 doanh nghiệp, 36 mô hình sản xuất vừa và nhỏ, 02 mô hình sản xuất lớn có hiệu quả. Các hoạt động thương mại, dịch vụ, ngành nghề đã góp phần giải quyết việc làm cho hơn 2.000 lao động, giải quyết đầu ra giá trị sản phẩm và có tính liên doanh, liên kết cao, đưa lại thu nhập khá tại địa phương.

- Là xã nằm ở vùng trung tâm của huyện, có các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã đi qua; có các cơ quan nhà nước như ngân hàng, Bưu điện, thuế, viễn thông đóng trên địa bàn nên có nhiều thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề. Bên cạnh đó do địa bàn diện tích hẹp, mật độ dân số dày nên việc quy hoạch các vùng phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề gặp nhiều khó khăn.

- Công tác bảo tồn và phát triển nghề truyền thống: Thạch Châu có 01 làng nghề sản xuất muối thôn Châu Hạ đã được UBND tỉnh công nhận làng nghề vào năm 2020 được duy trì thường xuyên và đang phát huy hiệu quả. Doanh thu bình quân, có 124 hộ gia đình trực tiếp sản xuất, với 186 lao động lao động thường xuyên, sản phẩm muối đang được thị trường ưa chuộng. Hàng năm, được sự quan tâm của các ngành các cấp, khu vực sản xuất muối đề bao vững chắc sản phẩm đầu ra mấy năm lại nay sản xuất ra bán hết và giá cả có phần cao hơn trước. Tuy nhiên, sản phẩm khó áp dụng các công nghệ tiến tiến vào sản xuất chủ yếu sản xuất thủ công, tiêu thụ đầu ra còn bấp bênh chưa có liên kết tiêu thụ sản phẩm mà chỉ mới bán thô ra thị trường. Hiện nay nghề sản xuất muối ở Thạch châu đã được UBND tỉnh công nhận nghề truyền thống, hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng đồng muối đã được đầu tư khá đảm bảo, diện tích đất sản xuất muối của các hộ dân đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho nên tính phát triển và bền vững của nghề sản xuất muối là rất cao.

- Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP):

- Xã có một sản phẩm Dưa lưới Hiền Tiến được công nhận OCOP vào năm 2020. Sản phẩm được áp dụng công nghệ tiến tiến vào sản xuất hiện đang được thị trường chấp nhận. Nguồn tiêu thụ chủ yếu là bán cho các tư thương và một số được giới thiệu qua gian hàng OCOP trong toàn tỉnh. Tổng doanh thu 500 triệu đồng/ năm, lợi nhuận năm 2022 đạt khoảng 100 triệu đồng; Ngoài ra xã đang tích cực triển khai xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chủ lực của xã vào liên kết tiêu thụ sản phẩm và định hướng công nhận thành sản phẩm OCOP. Kết quả đạt được trong xây dựng sản phẩm OCOP là thị trường tiêu thụ được liên

kết, sản phẩm được quảng bá trên thị trường toàn tỉnh, khách hàng khi mua được yên tâm và thương xuyên chọn sản phẩm của mình.

Bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện Chương trình OCOP đó là: Các ý tưởng để chọn sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp của xã đang còn ít, các tổ chức cá nhân đang còn ít quan tâm đến xây dựng ý tưởng vì cảm giác khó khăn.

3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

- Giá trị, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 – 2022 đạt 96,92 tỷ đồng, Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2022 đạt 7%/năm.

- Đánh giá tổ chức các hoạt động thương mại - dịch vụ: Các tổ chức hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn có chiều hướng phát triển đa dạng, phong phú, đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu mua sắm, sinh hoạt của nhân dân. Trên địa bàn toàn xã có 814 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, có khoảng 1.100 lao động tham gia, mức thu nhập bình quân 5,2 triệu đồng/tháng; công tác quản lý, kiểm soát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được tiến hành thường xuyên. Giá trị lĩnh vực Thương mại dịch vụ năm đạt 96 tỷ đồng.

- Tình hình cung ứng dịch vụ các sản phẩm hàng hóa đầu vào, đầu ra phục vụ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn đảm bảo yêu cầu. Việc cung ứng đầu vào như giống cây trồng, phân bón, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, con giống đã được các cơ sở kinh doanh phục vụ cung ứng đầy đủ, kịp thời, có chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ.

- Du lịch nông thôn: Trên địa bàn có 5 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 1 di tích cấp Quốc gia, 4 di tích cấp tỉnh, các di tích đang từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp các hạng mục, đầu tư đường giao thông, điện chiếu sáng...đây là tiềm năng để hình thành phát triển du lịch nông thôn trong tương lai và hội nhập tour du lịch của huyện.

4. Về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

4.1. Hợp tác xã:

Trên địa bàn xã có 12 hợp tác xã, trong đó (thành lập mới 1 hợp tác xã; 01 tạm ngừng hoạt động chuyển sang Hộ SXKD cá thể), 3 hợp tác xã hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp có 30 xã viên; thu nhập bình quân cho đội ngũ cán bộ làm công tác điều hành HTX 4,5 triệu đồng/tháng. Một số HTX hoạt động có hiệu quả như HTX Loan Hoan, HTX Hoàng Tiến.

4.2. Tổ hợp tác:

Trên địa bàn xã hiện có 03 Tổ hợp tác đang hoạt động ổn định và có hiệu quả, thu nhập bình quân cho mỗi thành viên từ 4-5 triệu đồng/tháng. Có 11 tổ lao động trong lĩnh vực xây dựng và tiểu thủ công nghiệp, cơ khí. Các tổ hợp tác đã phát huy có hiệu quả trong sản xuất đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, góp phần nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống cho các hộ gia đình tạo thêm việc làm cho người dân tại địa phương.

4.3. Hoạt động của các Doanh nghiệp: Trên địa bàn có 57 Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động ổn định.

4.4. Kinh tế trang trại: Trên địa bàn xã không có trang trại.

4.5. Kinh tế hộ:

Hiện nay số hộ trong toàn xã 1.859 hộ, trong đó có 1.180 hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, 115 hộ gia đình làm kinh tế vườn, nông trại, gia trại, 458 hộ tiểu thương, sản xuất kinh doanh nhỏ, hộ khác 106 hộ. Tạo ra giá trị khoảng 373,712 tỷ đồng.

5. Ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn

- Tình hình ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã hiện tại đang trong giai đoạn triển khai thực hiện. Tại thời điểm hiện nay chưa có sản phẩm nào được truy xuất nguồn gốc.

- Trên địa bàn xã hiện nay đã có các mô hình sản xuất có ứng dụng công nghệ số đó là: HTX Hiền Tiến, Tổ Hợp tác Trang Hùng,... Trong thời gian qua việc áp dụng công nghệ chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn từng bước được bà con Nhân dân hưởng ứng, áp dụng các biện pháp đã tiết kiệm được thời gian, chi phí trong sản xuất.

- Hoạt động thương mại điện tử: Các sản phẩm từ nông nghiệp như Sản phẩm lúa gạo, giò chả, rau củ, bò, lợn, gà, vịt... được chào bán trên các phương tiện như: zalo, facebook... từ đó các khách hàng ở trong và ngoài nước luôn có các thông tin để tiếp cận đến các sản phẩm, tạo cơ hội lớn cho việc vươn ra thị trường.

Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; trước mắt triển khai đối với các dịch vụ thiết yếu như thanh toán tiền điện, nước, các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, nộp các loại thuế, phí hàng năm.

III. THỰC TRẠNG HẠ TẦNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Về hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng:

- Hệ thống thủy lợi cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm: Kênh Hữu Ninh và kênh cổ ngựa do công ty thủy lợi Bắc Hà Tĩnh quản lý, phục vụ tưới tiêu cho diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Theo quy hoạch Nông thôn mới, toàn xã có 39 tuyến kênh mương được kiên cố, tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá: 24,6/27,7 km đạt 87,7%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đạt 90%. Cơ bản đảm bảo tưới cho nhân dân sản xuất. Tỷ lệ cây trồng cạn chủ lực, tập trung được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước đạt 25%.

- Về đường giao thông: Hệ thống trục chính đường nội đồng của xã 64 tuyến được bê tông hóa là 20,66/23,8km, đạt 86,8%. Đường giao thông nội đồng được xây dựng với nền rộng 4-5m, mặt bê tông rộng 3m. Hệ thống các tuyến đường vào các vùng sản xuất tập trung cũng đã được đầu tư xây dựng, bê tông hóa đảm bảo cho người dân đi lại sản xuất.

2. Về hạ tầng điện

- Trên địa bàn xã có 11 trạm biến áp; Tổng công suất là 2.120kVA. Đường dây trung áp của lưới điện xã Thạch Châu có tổng chiều dài là 6.755 mét. Tổng chiều dài đường dây hạ áp là 19.895m.

- Toàn xã có 1.171 hộ sử dụng điện 1 pha (hộ gia đình dùng cho sinh hoạt); 69 hộ sử dụng điện 3 pha (hộ sản xuất, kinh doanh). Các hộ sử dụng điện được cung cấp thường xuyên và an toàn, nhiều năm trên địa bàn không xảy ra mất an toàn và tai nạn về điện. Nguồn điện cung cấp ổn định, đảm bảo công suất, chất lượng điện năng cho sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân và sản xuất. Định kỳ UBND xã phối hợp với ngành điện tổ chức huy động lực lượng ra quân để xử lý hành lang an toàn lưới điện đảm bảo mỹ quan và an toàn trong quá trình vận hành và sử dụng điện.

3. Hạ tầng nước sinh hoạt: Về hạ tầng nớc sinh hoạt hiện nay đang chờ dự án nước sạch bàn giao và tiến hành đấu nối cho các hộ dân đưa vào sử dụng.

IV. THUẬN LỢI, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Huyện uỷ, HĐND, UBND, các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, sự điều hành của Chính quyền, sự phối kết hợp chặt chẽ với UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể, sự đoàn kết thống nhất, nỗ lực cố gắng vượt qua khó khăn của cán bộ, đảng viên và nhân dân nên đã đạt được những kết quả quan trọng.

- Chính trị ổn định, Quốc phòng - An ninh đảm bảo, kinh tế-xã hội phát triển khá, nguồn lao động, trình độ dân trí và đời sống Nhân dân phát triển đồng đều, sự đoàn kết, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn tạo niềm tin, sự đồng thuận của Nhân dân. Cơ sở hạ tầng thiết yếu đã được đầu tư đồng bộ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Đất đai màu mỡ, thích nghi với sản xuất nông nghiệp; Hệ thống giao thông, thủy lợi thuận tiện cho việc phát triển kinh tế của địa phương.

- Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Ban Thường vụ, Thường trực HĐND; quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của UBND; Phối hợp có hiệu quả của MTTQ và các đoàn thể từ cấp xã đến thôn.

- Vị trí địa lý nằm trung tâm vùng biển cửa, có hệ thống đường giao thông thuận lợi, nối liền với huyện Lộc Hà, thành phố Hà Tĩnh. Là trung tâm giao lưu, vận chuyển hàng hóa phát triển kinh tế xã hội của xã với các xã lân cận.

- Người dân cần cù chịu khó, có khát khao làm giàu, khát khao xây dựng quê hương giàu đẹp. Sự đồng lòng, quyết tâm của Ban chỉ đạo xã, cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn và sự vào cuộc của người dân.

- Trong những năm qua đang tập trung xây dựng nông thôn mới và từng bước xây dựng các tiêu chí của xã nông thôn mới kiểu mẫu nên được các cấp quan tâm đầu tư.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm;

- Thu nhập và đời sống người dân thấp; một số lĩnh vực gặp khó khăn, năng suất, sản lượng giảm; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn chưa tạo được sự đột phá; Hạ tầng nông thôn chưa đồng bộ;

- Liên kết sản xuất chưa bền vững, giá nông sản bấp bênh, dịch bệnh xảy ra nhiều (Viêm da nổi cục trâu, bò, dịch tả lợn Châu Phi,..) chưa tạo được bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp.

- Lao động ngày càng già hoá, lao động trẻ, có tay nghề đang chuyển dịch vào các nhà máy công nghiệp dẫn đến thiếu lao động trong nông nghiệp.

- Giá trị văn hóa truyền thống, di sản của địa phương chưa trở thành động lực của phát triển kinh tế.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Địa bàn chủ yếu sản xuất nông nghiệp, lực lượng trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa nhiều nên việc mở rộng, phát triển tiểu thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn;

- Lao động ngày càng già hóa và đang chuyển dịch vào các nhà máy công nghiệp dẫn đến thiếu lao động trong nông nghiệp;

- Hoạt động của HTX chưa đáp ứng yêu cầu dịch vụ phục vụ Nhân dân, chưa tổ chức bao tiêu sản phẩm cho hộ nông dân.

- Thu nhập trong sản xuất nông nghiệp thấp nên một bộ phận Nhân dân không mặn mà, không đầu tư thâm canh, sản xuất mang tính tự túc, tự cấp. Lợi nhuận thấp nên các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ít;

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Tư tưởng bảo thủ, ngại khó chưa tìm ra được giải pháp hữu hiệu để phá vỡ thế độc canh sản xuất nông nghiệp. Tư tưởng, nhận thức, tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) trong sản xuất hàng hoá còn hạn chế. Tập quán sản xuất của nhân dân manh mún, nhỏ lẻ, chưa giám mạnh dạn đầu tư;

- Liên kết sản xuất chưa bền vững, giá nông sản bấp bênh, dịch bệnh xảy ra nhiều... chưa tạo được bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp;

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM

Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức

cạnh tranh, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Chú trọng đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ kết hợp nhằm đưa nền kinh tế địa phương phát triển toàn diện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai thực hiện có hiệu quả phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với thực hiện Đề án nâng cao thu nhập cho người dân. Xác định sản phẩm chủ lực của xã là Lạc và sản phẩm tiêu biểu là ngao, hến và dưa lưới để có định hướng cho việc quy hoạch vùng phát triển sản xuất đối với 2 sản phẩm trên. Tiếp tục điều chỉnh quy hoạch, dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất, ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học và công nghệ nhất là đưa giống có năng suất và giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Xây dựng các cánh đồng một loại giống, một thời vụ, một quy trình sản xuất có liên kết.

- Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi theo mô hình doanh nghiệp hóa, liên kết hóa. Thành lập mô hình chăn nuôi quy mô vừa tại các vùng đã quy hoạch; phát triển các tổ hợp tác chăn nuôi nông hộ theo hướng liên kết (*chăn nuôi gà, bò nhốt*). Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản mặn lợ theo hình thức thâm canh, bán thâm canh đặc biệt là đối tượng ngao và tôm thẻ. Đẩy mạnh chỉnh trang vườn hộ, xây dựng vườn mẫu có giá trị kinh tế cao.

- Tạo môi trường thuận lợi, nhất là mặt bằng và thủ tục hành chính để thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên lĩnh vực nông nghiệp như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ phân bón.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tổng thu nhập xã hội đến năm 2025 đạt trên 381,848 tỷ đồng, Trong đó: Các ngành thương mại - dịch vụ: 197,03 tỷ đồng; Các ngành TTCN, xây dựng: 99,3 tỷ đồng; Nông nghiệp: 53,955 tỷ đồng; Các nguồn thu khác: 31,523 tỷ đồng).

- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản 20%; tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 25%; dịch vụ và thương mại 55%.

- Sản lượng lạc vỏ 820 tấn/năm, trong đó: Lạc vụ Xuân 780 tấn, lạc vụ Hè Thu, vụ Đông 40 tấn; Sản lượng lúa 500 tấn.

- Diện tích và sản lượng muối: 14ha/2.500 tấn/năm (đạt 17,85 tấn/ha/năm). Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến muối, tăng năng suất tối thiểu lên 20% và nâng giá trị các sản phẩm muối lên ít nhất 20% so với hiện nay. Bước đầu xây dựng thí điểm mô hình phát triển nghề muối gắn với du lịch nông thôn.

- Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap sinh học, công nghệ cao tăng 5.000 m²/năm.

- Chăn nuôi: Đàn trâu, bò 3.000 con/năm; đàn lợn 2.700 con/năm; đàn gia cầm 40.000 con/năm.

- Nuôi trồng thủy sản diện tích 83 ha, đạt 12 tỷ đồng/năm, trong đó: Nuôi tôm 11ha x 700 triệu/ha, đạt 7,7 tỷ đồng; nuôi nhuyễn thể 72ha x 600 triệu đồng, đạt 4,3 tỷ đồng.

- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên đơn vị diện tích, đạt 29,155 tỷ đồng/833ha/năm, (đạt 35 triệu đồng/ha/năm). Giá trị thu nhập trên 1ha đất nuôi trồng thủy sản: 100 triệu đồng/năm;

- Phân đầu có từ 2-3 sản phẩm được chứng nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên;

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: 59 triệu đồng/người/năm;

- Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề hàng năm là 1-2%;

- Phân đầu đạt tiêu chí “Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn” theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025.

- Thành lập mới 20 doanh nghiệp; 10 hợp tác xã; 25 tổ hợp liên doanh liên kết; xây dựng mới 20 mô hình kinh tế vừa và nhỏ; 05 mô hình kinh tế lớn có thu nhập trên 1 tỷ đồng đến năm 2025.

- Số cơ sở, số lao động sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản mới hàng năm tăng 40 cơ sở, 80 lao động.

- Thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất tối thiểu 30ha theo Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo đề bảo tồn và phát triển làng nghề sản xuất muối thôn Châu Hạ.

3. Định hướng đến năm 2030:

- Tổng giá trị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ 456 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 15%.

Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, thủy sản 25%; Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 20 %; Thương mại, dịch vụ 55 %.

Cơ cấu lao động: Lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm gần 49%. Lao động lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 22%. Lao động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ chiếm 29%.

- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên /ha: đạt 120 triệu đồng/ha;

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị chiếm 60%; tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn áp dụng quy trình sản xuất tốt (GAP) đạt 30%; có 04 sản phẩm đạt chuẩn OCOP.

- Thu nhập bình quân đầu người năm: đạt 65 triệu đồng/người/năm;

- Hàng năm thành lập 01 doanh nghiệp; 01 HTX.

- Hoàn thành công tác tập trung, tích tụ ruộng đất theo Nghị Quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững:

1.1. Trồng trọt:

- Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nhân rộng mô hình chuyển đổi ô thửa nhỏ hình thành ô thửa lớn, sản xuất các vùng chuyên canh hàng hóa tập trung quy mô lớn như: Trồng lạc (lạc giống, lạc thương phẩm), rau củ quả các loại, nấm ăn, dược liệu, cây ăn quả...đảm bảo nguồn cung nguyên liệu, sản phẩm có chất lượng cho hoạt động chế biến, thị trường tiêu thụ lớn, quan tâm nhiều về mô hình sản xuất trong nhà lưới tại đơn vị Bằng Châu và phát triển ra ở các vùng quy hoạch khác. Có chính sách hỗ trợ trong việc tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất.

- Quy hoạch các vùng sản xuất lúa cao sản, lúa năng suất, chất lượng, ở các đơn vị thôn Bằng Châu, Tiến Châu, Hồng Lạc, Minh Quý, Thanh Tân, Quang Phú, Lâm Châu. Quy hoạch các vùng sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trên diện tích sản xuất sản phẩm chủ lực của xã. Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, kỹ thuật số vào sản xuất lạc, rau củ quả; Mạnh dạn chuyển đổi các vùng sản xuất kém hiệu quả như vùng đất cao cường, phèn kén ở các thôn phù hợp với điều kiện thực tế để chuyển sang chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

- Phát triển các chuỗi liên kết trong cung ứng đầu vào cũng như bao tiêu sản phẩm;

- Xây dựng các mô hình tích hợp đa giá trị, bao gồm nhiều thành phần, nhiều sản phẩm có giá trị, tận dụng triệt để được các loại thức ăn, phụ phẩm.

- Sản lượng lạc vỏ 820 tấn/năm, trong đó: Lạc vụ Xuân 780 tấn, lạc vụ Hè Thu, vụ Đông 40 tấn.

- Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap sinh học, công nghệ cao tăng 5.000 m²/năm.

- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên đơn vị diện tích, đạt 29,155 triệu đồng/833ha/năm, (đạt 35 triệu đồng/ha/năm) Thống nhất số liệu với phần mục tiêu tỷ đồng, hay đồng. Giá trị thu nhập trên 1ha đất nuôi trồng thủy sản: 100 triệu đồng/năm;

- Phần đầu có từ 1-2 sản phẩm được chứng nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên;

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

1.2. Chăn nuôi:

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, chế biến và tiêu thụ. Đồng thời khuyến khích chăn nuôi nông hộ có cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ, hướng hữu cơ.

- Phát triển đối tượng vật nuôi có lợi thế, tổ chức chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học và dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất chăn nuôi; tổ chức sản xuất chăn nuôi theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình thực hành sản xuất tốt và tương đương; thực hiện chuyển đổi số trong sản xuất chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

- Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi phù hợp với thực tiễn, nhu cầu thị trường, theo hướng chăn nuôi nuôi nhốt. Tổ chức chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường, đảm bảo thực phẩm an toàn, chăn nuôi bền vững với môi trường, an toàn sinh học.

- Xây dựng và nhân rộng một số mô hình hiệu quả theo chuỗi giá trị, ứng dụng tiến bộ KHKT vào chăn nuôi: Phấn đấu mỗi năm xây dựng được ít nhất 10 mô hình ủ chua, 5 mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh phù hợp với điều kiện miền núi thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Phối hợp với các phòng, ngành cấp huyện duy trì hiệu quả lò giết mổ tập trung tại thôn Thanh Tân; đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, thường xuyên rà soát tổng đàn, tổ chức tiêm phòng đạt và vượt chỉ tiêu.

- Đàn trâu, bò 1.500 con/năm; đàn lợn 1.200 con/năm; đàn gia cầm 20.000 con/năm.

(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)

1.3. Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch, phát triển vùng nuôi thâm canh cho các đối tượng: ngao, hến, tôm thẻ chân trắng, tôm sú, các loài cá có giá trị kinh tế cao. Phát triển nuôi thủy sản theo hướng nuôi áp dụng công nghệ cải tiến.

- Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực thủy sản.
- Xây dựng mô hình tích hợp đa giá trị.

1.4. Diêm nghiệp:

- Quy hoạch lại đồng ruộng, đầu tư nguồn kinh phí cải tạo hệ thống cầu cống, kênh mương, các tuyến đường nội đồng, cải tạo hệ thống ô nê, chạt, lợc đảm bảo cho phát triển sản xuất muối. Tích cực ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất muối nhằm nâng cao sản lượng trên đơn vị diện tích.

- Rà soát, chuyển đổi những vùng diện tích sản xuất muối năng suất, hiệu quả thấp, đảm bảo điều kiện sang nuôi trồng thủy sản hoặc phát triển các mô hình sản xuất khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Diện tích và sản lượng muối: 14ha/2.500 tấn/năm (đạt 17,85 tấn/ha/năm).

2. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề, làng nghề nông thôn và thực hiện hiệu quả chương trình OCOP

- Khôi phục, bảo tồn, phát triển ngành nghề, làng nghề sản xuất muối với quy mô 14,5 ha và định hướng giữ nguyên diện tích theo quy hoạch xây dựng

NTM của xã; Hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội đồng tại vùng sản xuất để đảm bảo vận chuyển hàng hóa thông suốt. Xây dựng hệ thống đê bao, thủy lợi kết hợp với giao thông nhằm đảm bảo thuận lợi nhất cho sản xuất và vận chuyển. Đầu tư xây dựng, cải tạo chất lọc, ô kết tinh để đảm bảo sản xuất muối chất lượng cao, sản xuất muối sạch. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống kho bảo quản muối, đảm bảo muối dự trữ phục vụ sản xuất kinh doanh, mua tạm trữ muối.

- Thực hiện Chương trình OCOP: Tập trung tuyên truyền, phối hợp phát triển sản phẩm dầu Lạc và các sản phẩm khác đạt chuẩn OCOP như muối sạch Thạch Châu, bánh đa vùng, dầu lạc, dưa lười..., để trở thành sản phẩm đặc trưng của địa phương, gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững.

3. Tổ chức các hoạt động thương mại, dịch vụ; gắn với phát triển sản xuất với phát triển du lịch nông thôn

- Tiếp tục phát huy hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ hiện có trên địa bàn như: Buôn bán các mặt hàng nông sản, phát triển các dịch vụ ăn uống, dịch vụ xây dựng, dịch vụ giải trí...

- Tập trung phát triển đa dạng các loại hình thương mại - dịch vụ trên địa bàn nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt, nhu cầu tiêu dùng, vật tư phục vụ sản xuất cho người dân, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân như: Buôn bán các mặt hàng nông sản, phát triển các dịch vụ ăn uống, dịch vụ xây dựng, dịch vụ giải trí...

- Phát triển nông nghiệp tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong nông nghiệp và phát triển nông nghiệp, nông thôn du lịch;

4. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn

4.1. Về thủy lợi:

Triển khai xây dựng kiên cố hoá 2km kênh mương nội đồng còn lại; hàng năm xây dựng kế hoạch đề nạo vét, nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh mương đã hư hỏng, xuống cấp. Tiến hành duy tu hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm đã có, tiếp tục tuyên truyền vận động người dân lắp đặt thêm hệ thống tưới để phục vụ nhu cầu tưới cho cây trồng cạn.

4.2. Giao thông nội đồng:

Tiếp tục xây dựng nâng cấp đường giao thông nội đồng gắn với đôn điền, đổi thửa; trực chính giao thông nội đồng kết hợp hệ thống kênh mương thủy lợi phục vụ tưới tiêu từng vùng sản xuất. Bê tông hóa thêm 15 km đường nội đồng, đảm bảo phương tiện cơ giới vào tận ruộng phục vụ sản xuất; đường trực chính nội đồng nền đường rộng tối thiểu 5m, các trục đường phụ khác mặt đường tối thiểu 4m, kết hợp hệ thống kênh mương thủy lợi.

4.3. Điện sản xuất:

Duy tu, nâng cấp các trạm biến áp, đường dây tải điện theo quy chuẩn của ngành điện, đảm bảo đáp ứng cho 100% cơ sở tiểu thủ công nghiệp, các hộ sản

xuất kinh doanh, các hộ sử dụng điện sinh hoạt. Tập trung tuyên truyền vận động nhân dân nâng cấp hệ thống điện sau công tơ đảm bảo an toàn trong sử dụng điện, lắp đặt các thiết bị tiết kiệm điện.

5. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

5.1. Các loại hình hợp tác xã:

- Tập trung chỉ đạo HTX sản xuất nông nghiệp và Môi trường đổi mới phương thức hoạt động, trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Thông qua việc nâng cao năng lực HTX, tái cơ cấu bộ máy HTX, tái cơ cấu các hoạt động của HTX. Ứng dụng công cụ trực tuyến để trao đổi thông tin, họp, ra quyết định tập thể, đào tạo, tuyên truyền, tư vấn và nhận tư vấn; nâng cao kỹ năng xúc tiến, đàm phán kinh doanh; nâng cao năng lực tiếp cận thị trường;

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương về khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác (*hỗ trợ đào tạo cán bộ, vay vốn tín dụng, hỗ trợ áp dụng công nghệ mới; đất đai để làm trụ sở, xây dựng cơ sở dịch vụ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm các mặt hàng chủ lực...*).

5.2. Kinh tế trang trại:

- Tiếp tục quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, xây dựng mới Trang trại chăn nuôi gà tại thôn Lâm Châu; vận động Nhân dân mạnh dạn đầu tư, đổi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để tiếp tục xây dựng các Trang trại, đặc biệt chú trọng đặc biệt là các loại hình mới phù hợp với địa phương có giá trị kinh tế cao;

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của TW và địa phương về khuyến khích, hỗ trợ phát triển trang trại (*đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống xử lý môi trường; tập huấn quản lý sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các chủ trang trại, hỗ trợ vốn vay ưu đãi...*)

5.3. Kinh tế hộ gia đình:

Phát triển kinh tế hộ gia đình làm kinh tế vườn, nông trại, gia trại, gắn với kinh tế vườn đồi. Phát triển mạnh ngành nghề truyền thống như sản xuất bún bánh, đặc biệt là sản xuất bánh đa trên địa bàn xã. Mở rộng các hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhỏ. Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, sản xuất theo hướng hàng hóa. Đến năm 2025, kinh tế hộ gia đình ước đạt giá trị 472,715 tỷ đồng.

5.4. Hoạt động các doanh nghiệp:

Ổn định hoạt động các doanh nghiệp đã có trên địa bàn. Tiếp tục vận động, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các cá nhân, hộ gia đình đăng ký hoạt động doanh nghiệp. Phấn đấu mỗi năm thành lập ít nhất được 1 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp trên địa bàn đa dạng về ngành nghề hoạt động như: Xây dựng, vận tải, chế biến lâm sản, công nghiệp chế tạo...

Mời gọi các doanh nghiệp ngoài địa bàn vào đầu tư ở địa phương để mở rộng về phạm vi, quy mô, đa dạng hóa ngành nghề, giải quyết việc làm tăng thêm thu nhập cho lao động địa phương.

6. Công tác tập trung, tích tụ ruộng đất:

Khắc phục tình trạng ruộng đất phân tán, nhỏ lẻ, manh mún. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân tiếp cận đất đai đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa, áp dụng khoa học, công nghệ cao, gắn với chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người sản xuất, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bền vững. Xây dựng đề án tích tụ ruộng đất với diện tích 315,5 ha tại 10 thôn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Rà soát lại quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch đã được phê duyệt:

Rà soát, xây dựng quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch vùng sản xuất để thuận tiện cho nông dân sản xuất. Quy hoạch vùng sản xuất chuyên canh, thâm canh để đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật và giống mới có chất lượng vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng, giá trị hàng hoá, cụ thể: Quy hoạch vùng lúa chuyên canh theo cánh đồng mẫu lớn phân bố tại thôn Tiến Châu, Lâm Châu, đưa các giống lúa có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng với điều kiện tự nhiên vào sản xuất. Quy hoạch vùng cây công nghiệp ngắn ngày đạt năng suất cao tại 02 khu vực gồm: Quang Phú, An Lộc với các giống cây trồng chủ yếu là đậu xanh, lạc, ngô, vừng. Quy hoạch vùng sản xuất rau tại 5 đơn vị thuộc thôn Bằng Châu, Tiến Châu, Hồng Lạc, Minh Quý Lâm Châu để trồng các loại rau màu như cải, mùi, ớt... phục vụ nhu cầu hàng ngày và góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân.

Tổ chức thực hiện quy hoạch đất thương mại dịch vụ 7,37 ha tại vùng Đồng Bần đổi diện cây xăng Thị trấn 1,98 ha, và vùng Đồng Bần thôn An Lộc 5,39 ha và đất xen dăm dân cư tại các vùng ở 11 thôn; Quy hoạch các khu chức năng, trụ sở cơ quan, đường giao thông, nhà văn hóa thôn theo quy hoạch điều chỉnh phê duyệt.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

2.1. Tập huấn, đào tạo nghề và kiến thức cho nông dân

- Tổ chức triển khai phổ cập kiến thức cho bà con Nhân dân thông qua phương tiện thông tin đại chúng; qua các lớp do Trung tâm HTCD xã tổ chức, qua hệ thống hội nông dân các cấp;

- Phối hợp với trung tâm Ứng dụng KHKT&BVCTVN tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất cây trồng, vật nuôi cho bà con nông dân theo hình thức cầm tay chỉ việc và được truyền đạt các kiến thức về giống về kỹ thuật chăm bón, thâm canh, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, bảo quản sau thu hoạch và phát triển một số ngành nghề trên địa bàn như: trồng nấm, nuôi giun quế...

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn Tổ khuyến nông cộng đồng, Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, Ban chăn nuôi thú y đảm bảo thành phần theo quy định;

- Đào tạo chuyên đổi nghề: Phân đầu đến năm 2025 lao động nông nghiệp chỉ còn chiếm 41 %; Tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật của xã đạt 60% trong đó tỷ lệ lao động đã được qua đào tạo đạt 85% do đó xã Thạch Châu sẽ liên kết với các trung tâm đào tạo nghề trong và ngoài huyện phối kết hợp mở các lớp học nghề cho người dân trong xã với các ngành nghề như: Cơ khí, gò hàn, điện máy, điện lạnh, mộc, nề, kinh doanh, dịch vụ - thương mại... để mỗi năm có thể đào tạo nghề và tạo việc làm mới cho trên 90 người.

2.2. Tập huấn đào tạo cán bộ quản lý:

Hiện nay xã Thạch Châu đội ngũ cán bộ đã qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đạt trên 100%. Trong thời gian tới xã sẽ tiếp tục động viên khuyến khích cán bộ xã học tập nâng cao hơn nữa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý điều hành, chỉ đạo sản xuất.

Tích cực tham gia các lớp tập huấn, đào tạo của các cấp tổ chức để nâng cao trình độ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Đối với cán bộ đi học xã sẽ tạo điều kiện và có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí cho hoạt động cá nhân để có điều kiện học tập.

3. Ứng dụng khoa học và công nghệ và chuyển đổi số:

- Áp dụng mạnh mẽ tiên bộ khoa học công nghệ nhằm đổi mới quy trình từ quản lý đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ và trang bị các máy móc, hệ thống thiết bị đồng bộ, hiện đại để tạo ra những sản phẩm đa dạng về chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng và giá thành thấp nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm và có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Đẩy nhanh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành, phát triển các sản phẩm chủ lực, tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, gắn truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường; quản lý, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch hại, trước mắt ưu tiên các sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiêu biểu của xã và các sản phẩm có ý tưởng xây dựng sản phẩm OCOP... Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

4. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình điển hình tiên tiến:

Tập trung phát triển các “chuỗi giá trị ngành hàng” nông sản chủ lực trên địa bàn xã như: lạc, rau, củ, quả, ngao, hến ...; tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị. Doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột”, nòng cốt, dẫn dắt; đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị, nông dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng phục vụ để tăng thu nhập. Khuyến khích và tạo thuận lợi phát

triển doanh nghiệp nông nghiệp, hình thành các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp. Xây dựng, thành lập các THT có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả. Hỗ trợ THT mua và phân phối chung vật tư đầu vào, liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ nông sản đầu ra và cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất bao gồm cả tín dụng, khuyến khích và hỗ trợ các HTX phát triển thành doanh nghiệp; chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản.

- Trên cơ sở các tổ chức (HTX, THT, mô hình phát triển sản xuất) đã có, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, mô hình, từ đó định hướng xây dựng tổ chức phát triển sản xuất phù hợp, bền vững.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến về phát triển kinh tế.

5. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gắn với phát triển sản phẩm OCOP, phát triển du lịch:

- Trên khai thực hiện, tuyên truyền Cuộc vận động “Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống sản xuất muối thôn Châu Hạ. Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng các nước. Tăng cường các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm rau quả hiện đại, phù hợp - phát triển trung tâm trung bày, giới thiệu sâu phẩm nông sản, sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa phương, cơ quan, đơn vị và hỗ trợ người dân đưa các sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP ra thị trường.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng chủ lực, ngành nghề truyền thống của địa phương; quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và HTX chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ.

- Gắn kết phát triển kinh tế với chương trình phát triển du lịch; xây dựng, mở các tour, tuyến du lịch là thế mạnh của địa phương. Xây dựng địa điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử địa phương xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia, xây dựng các hộ gia đình tiêu biểu thành các điểm đón khách du lịch. Xây dựng tour tuyến du lịch tham quan làng nghề sản xuất muối, khu nuôi trồng và thu hoạch ngao, chùa Gia Mỹ và các di tích lịch sử Văn hóa đã được cấp bằng công nhận,...

- Các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của xã được đưa lên sàn thương mại điện tử để quảng bá, giới thiệu mạng lại hiệu quả nhất định.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt trên địa bàn huyện.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Lồng ghép các nội dung của đề án, nguồn vốn phù hợp, đúng quy định và phải huy động hiệu quả nguồn kinh phí, cụ thể:

- Ngân sách trung ương, tỉnh:

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình khuyến nông;

+ Nguồn kinh phí từ các cơ chế, chính quy định tại các Nghị quyết: số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025, số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định về một số chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hành hóa, dịch vụ Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo, số 262/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về tiếp tục thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của HĐND tỉnh về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh, các nghị quyết khác liên quan;

- Ngân sách cấp huyện: Nguồn kinh phí từ các cơ chế, chính quy định tại Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của HĐND huyện về ban hành chính sách khuyến khích nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 -2025; Nghị quyết số 73/2022/NQ-HĐND ngày 21/9/2022 của HĐND huyện về thông qua đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 – 2025 và quy định tạm thời một số chính sách kèm theo.

- Ngân sách xã: Nguồn kinh phí từ các cơ chế, chính quy định tại Nghị quyết HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng – An ninh hàng năm bố trí từ 35 – 40 tỷ đồng.

- Nguồn vốn huy động hợp pháp khác: Kêu gọi các nhà đầu tư, huy động các nguồn xã hội hóa và sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng trên địa bàn.

2. Các dự án ưu tiên thực hiện

- Khảo sát, lập đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 theo hướng đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Trình ý tưởng, xin chủ trương của cấp trên các cấp tiến hành thực hiện các quy trình để xây dựng sản phẩm đầu lục đạt tiêu chuẩn OCCOP;

- Xây dựng đường giao thông, mương nội đồng đường

* Quy mô đầu tư: Đường giao thông nội đồng có nền đường rộng 5m, mặt đường bê tông rộng 3,5m. Mương nội đồng kết cấu bê tông cốt thép, có kích thước BxH= 0,5 x0,6m;

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, QUẢN TRIỆT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

Sau khi đề án đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã tổ chức quán triệt, triển khai đề án đến toàn thể cán bộ, công chức, đảng viên, các bộ các đơn vị thôn, cán bộ cốt cán của địa phương. Các tổ chức đoàn thể tiến hành tổ chức quán triệt và giao nhiệm vụ cho các đoàn viên, hội viên của mình hiểu rõ nội dung đề án, trách nhiệm của hội viên, đoàn viên tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Các đơn vị thôn tổ chức họp dân triển khai các nội dung đề án để người dân thảo luận và bàn các giải pháp tổ chức thực hiện.

Thực hiện đa dạng hóa tuyên truyền nội dung đề án thông qua hệ thống truyền thanh của xã, sinh hoạt câu lạc bộ làm thay đổi nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân để khơi dậy phong trào tự thân vận động cải thiện điều kiện sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ môi trường sống, xây dựng tổ chức cộng đồng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

- UBND xã xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các nội dung của đề án, đồng thời phân công cán bộ, công chức trực tiếp chỉ đạo các đơn vị thôn trong quá trình triển khai thực hiện. Giao Ban quản lý nông thôn mới xã tổ chức quản lý các nội dung liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.

- Ủy ban mặt trận tổ quốc cùng với các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị, làm tốt công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân thực hiện tốt Đề án. Tham gia giám sát thực hiện các nội dung đề án, trong đó: Hội Nông dân chủ lực trong cải tạo vườn, xây dựng các mô hình vườn mẫu; Hội Phụ nữ chủ lực trong phát triển chăn nuôi và ngành nghề (các nghề có phụ nữ tham gia); Hội Cựu chiến binh chủ lực trong phát triển kinh tế trang trại xây dựng... mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình; Đoàn thanh niên chủ lực trong phát triển kinh tế trang trại, vận động học nghề... và xây dựng mô hình kinh tế hộ Thanh niên.

- Ban tài chính, ngân sách xã: Tham mưu bố trí nguồn kinh phí, đảm bảo chính sách tài chính trong việc thực hiện Đề án; ưu tiên bố trí và cân đối vốn đầu tư cho ngành nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, nhất là

đầu tư hạ tầng về điện, giao thông nội đồng, thủy lợi cho các vùng sản xuất tập trung.

- Các cán bộ, công chức liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp thực hiện Đề án có hiệu quả.

III. CÔNG TÁC PHỐI HỢP, BÁO CÁO SƠ KẾT, TỔNG KẾT RÚT KINH NGHIỆM:

- Hàng tháng UBND xã tổ chức hội nghị giao ban phản ánh tình hình tiến độ thực hiện ác nội dung đề án; tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm kết quả tổ chức thực hiện, các vướng mắc đề nghị giúp đỡ giải quyết.

- Sơ kết công tác quý và 6 tháng về tình hình tiến độ triển khai các nội dung đề án, những đơn vị triển khai tốt có cách làm hay để nhân ra diện rộng, các tồn tại vướng mắc đề xuất cấp trên giúp đỡ.

- Tổng kết công tác năm đánh giá kết quả thực hiện được bổ cứu nội dung mức độ hoàn thành, dự kiến công tác thời gian tới, kết quả giải ngân, rút ra các bài học kinh nghiệm, khen thưởng các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phần thứ tư

NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:

Để thực hiện thành công Đề án phát triển kinh tế nông thôn tổng hợp, Ủy ban nhân dân xã có một số kiến nghị như sau:

1. Đề nghị huyện giới thiệu các đơn vị, doanh nghiệp mạnh về năng lực tài chính và thực sự tâm huyết kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, tham gia liên kết cung ứng, bao tiêu sản phẩm để người dân yên tâm khi đầu tư sản xuất.

2. Đề nghị các phòng ngành, chuyên môn cấp huyện có liên quan thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn địa phương trong quá trình thực hiện

3. Đề nghị Trung ương, tỉnh, huyện hỗ trợ kinh phí giúp xã trong xây dựng và nâng cấp các công trình hạ tầng thiết yếu cần có nguồn kinh phí lớn./.

Nơi nhận:

- Đoàn công tác của BTV Huyện ủy chỉ đạo xã Thạch Châu;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng: NN&PTNT, KTHT, TN&MT, LĐ-TB&XH, VH-TT, TCKH;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện xã;
- MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội xã;
- Cán bộ, công chức, người lao động xã;
- Các đơn vị thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thông

Phụ lục 2**HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN**

1. Điều tra khảo sát, thu thập các thông tin, dữ liệu xây dựng Đề án.
2. Dự thảo thuyết minh Đề án.
3. Tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân, đoàn thể, cán bộ thôn xóm liên quan.
4. Tổ chức hội thảo hoàn thiện Đề án đảm bảo công khai, dân chủ.
5. Trình thẩm định, phê duyệt Đề án.
6. Công bố, tuyên truyền Đề án.
7. Tổ chức thực hiện Đề án.